

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Võ Ngọc Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Hương Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11.10.2021, quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HN ngày 27.10.2021 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989. Trú tại: H54/49 K322 đường HP, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt

\* **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987; Trú tại: phòng 410 nhà B chung cư C2, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Bích H trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Đoàn Văn C kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng yêu thương nhau đến năm 2019 vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn là do chồng không hề có trách nhiệm với vợ con, một mình tôi nuôi con, chồng tôi không hề có trách nhiệm gì cả, vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ năm 2019 chúng tôi đã sống ly thân và đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa nhưng do thương con mong muốn chồng thay đổi nên tôi đã rút đơn về nhưng vẫn không có kết quả.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và ông Đoàn Văn C có 01 con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015. Ly hôn tôi có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà Trần Thị Bích H xác định không có nợ chung.

\* **Bị đơn là ông Đoàn Văn C** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

\* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Đoàn Văn C không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường Nại Hiên Đông xác nhận nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H.

Về con chung có 01 con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015. Nguyên vọng của bà Trần Thị Bích H xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đoàn Văn C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung đang ở với bà Trần Thị Bích H nên cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD.

Về cấp dưỡng nuôi con cần buộc ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích H xác nhận không có nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 27.10.2021 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Đoàn Văn C, nhưng ông Đoàn Văn C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Đoàn Văn C.

**[2].Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C thì thấy:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C kết hôn 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện

Theo bà Trần Thị Bích H trình bày trong thời gian chung sống đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do ông C không hề có trách nhiệm với vợ con, một mình bà H nuôi con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân và đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa nhưng do thương con mong muốn ông C thay đổi nên bà H đã rút đơn về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đoàn Văn C không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông C không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo xác minh tại UBND phường NHĐ, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà H và ông C không còn chung sống với nhau, một mình bà H nuôi con chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2] Về quan hệ con chung:** Bà Trần Thị Bích H khai nhận bà và ông Đoàn Văn C có 01 con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015. Ly hôn bà H xin được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay con chung Minh Khang đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 1 con chung. Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai vợ chồng do vậy cần buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/1 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** bà Trần Thị Bích H xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà H và ông C có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị Bích H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C**

Tuyên xử: bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989, được ly hôn với ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014 của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 03.01.2014 không còn giá trị pháp lý.

**2. Về con chung:** Tuyên: Giao con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015 cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

- Buộc ông Đoàn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 BLDS.

**3. Về tài sản chung, về nợ chung:** Bà Trần Thị Bích H khai nhận không có.

**4. Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Bích H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006801 ngày 22.6.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Đoàn Văn C phải nộp 300.000 đồng.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái  
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**

**TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích**

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn*” giữa các bên đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989. Trú tại: H54/49 K322 đường HP, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt

\* **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987; Trú tại: phòng 410 nhà B chung cư C2, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về điều luật áp dụng:** Ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích:

Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân  
Thống nhất biểu quyết 3/3 ý kiến tán thành.

**2. Về nội dung xét xử:** Ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích:

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C**

Tuyên xử: bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989, được ly hôn với ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014 của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 03.01.2014 không còn giá trị pháp lý.

**2. Về con chung:** Tuyên: Giao con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015 cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

- Buộc ông Đoàn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung, về nợ chung:** Bà Trần Thị Bích H khai nhận không có.

**4. Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Bích H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006801 ngày 22.6.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Quốc đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ý kiến của Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất như ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân  
Thống nhất biểu quyết 3/3 ý kiến tán thành.

Biên bản nghị án kết thúc lúc 14 giờ 5 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái
- q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**Phạm Thanh Thủy**

**TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BÁO CÁO HƯỚNG ĐỀ XUẤT XỬ LÝ VỤ ÁN**

Tôi tên : **Phạm Thanh Thủy**- Thẩm phán Tòa án ND quận Sơn Trà Sơn Trà

Được sự phân công của lãnh đạo v/v nghiên cứu giải quyết vụ án kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thụ lý số 98/TLST-HNGĐ ngày 22.6.2021 giữa :

\* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989. Trú tại: H54/49 K322 đường HP, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt

\* **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987; Trú tại: phòng 410 nhà B chung cư C2, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

Sau khi nghiên cứu hồ sơ tôi đề xuất hướng xử lý như sau:

#### **I. Về nội dung vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C kết hôn 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện

Theo bà Trần Thị Bích H trình bày trong thời gian chung sống đến năm 2019 vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn là do ông C không hề có trách nhiệm với vợ con, một mình bà H nuôi con, ông C không hề có trách nhiệm gì cả, vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân và đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa nhưng do thương con mong muốn ông C thay đổi nên bà H đã rút đơn về nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đoàn Văn C không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông C không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo đơn xác minh tại UBND phường MT, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà H và ông C không còn chung sống với nhau, một mình bà H nuôi con chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Trần Thị Bích H khai nhận ông và ông Đoàn Văn C có 01 con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015. Ly hôn bà H xin

được nuôi hai con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện nay con chung Minh Khang đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 1 tháng do vậy cần buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** bà H xác nhận không có nên không xem xét.

Nếu sau này bà H và ông C có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** bà Trần Thị Bích H phải nộp án phí HNGĐ.

## **II. Đề xuất hướng giải quyết:**

**Căn cứ vào:** Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.**Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Bích H và ông Đoàn Văn C

Tuyên xử: bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1989, được ly hôn với ông Đoàn Văn C, sinh năm 1987.

Giấy chứng nhận kết hôn số                      của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày                      không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về con chung: Tuyên: Giao con chung là Đoàn Trần Minh K, sinh ngày 16.01.2015 cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

- Buộc ông Đoàn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung, về nợ chung:** Bà Trần Thị Bích H khai nhận không có.

**4. Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà H phải nộp,

**5.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Ý kiến của Lãnh đạo**

**Thẩm phán đề xuất**

**Phạm Thanh Thủy**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Hòa Khánh Nam  
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**

